

PHỤ LỤC

GIẢI TRÌNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

1. Đối với BCTC riêng/hợp nhất của Tổng công ty:

Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 01/7/2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 13 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/7/2018. Như vậy, kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu của Tổng công ty là kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018 (từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018).

Theo quy định tại Điều 104, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó:

“Khi chuyển đổi hình thức sở hữu, doanh nghiệp phải tiến hành khoá sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Trong kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi, doanh nghiệp phải ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc sau:

1. *Đối với sổ kế toán phản ánh tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu: Toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trên sổ kế toán của doanh nghiệp cũ được ghi nhận là số dư đầu kỳ trên sổ kế toán của doanh nghiệp mới.*

2. *Đối với Bảng Cân đối kế toán: Toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa của doanh nghiệp cũ trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ của doanh nghiệp mới và được trình bày trong cột “Số đầu năm”.*

3. *Đối với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Số liệu kể từ thời điểm chuyển đổi đến cuối kỳ báo cáo đầu tiên được trình bày trong cột “Kỳ này”. Cột “kỳ trước” trình bày số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu.”*

Vì vậy, trên Báo cáo tài chính riêng/hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018 (từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018), số liệu “kỳ trước” của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu lũy kế từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu (từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018). Kết quả kinh doanh trên BCTC riêng/hợp nhất quý 4 năm 2018 không có số liệu so sánh tương ứng.

Bảng số liệu dưới đây chỉ mang tính chất tham khảo:

STT	BCTC	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018	Quý 4/2018 (Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018)
1	BCTC riêng			
	LN sau thuế TNDN	1.930.894.513.821	304.512.180.604	261.276.020.897
2	BCTC hợp nhất			
	LN sau thuế TNDN	1.468.353.221.580	582.654.051.270	398.470.948.736

Việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng/Hợp nhất của Tổng công ty là do nguyên nhân dưới đây:

Tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Tổng công ty đã lập và kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018, kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Được lập cho mục đích phục vụ công tác chuyển giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa cho công ty cổ phần). Trong đó ghi nhận các nghiệp vụ xử lý tài chính theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần như sau:

- Đối với dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, các khoản phải thu và hàng tồn kho: Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn nhập toàn bộ số dư dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, các khoản phải thu và hàng tồn kho với số tiền là 34.704.200.285 VND vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này dẫn đến giảm chi phí và tăng lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2018. Đồng thời, sang quý 3/2018, Tổng công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo quy định nên làm cho chi phí quý 3 tăng lên và lợi nhuận giảm đi tương ứng.
- Đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Tổng Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ với số tiền lỗ chênh lệch tỷ giá là 124.277.669.208 VND. Số lỗ chênh lệch tỷ giá này không hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 và được bàn giao cho công ty cổ phần. Điều này dẫn đến giảm chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2018 và tăng lợi nhuận tương ứng. Đồng thời, trên BCTC riêng/Hợp nhất cho kỳ này, Tổng công ty phải hạch toán thêm khoản chênh lệch tỷ giá nói trên vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh làm giảm lợi nhuận trong kỳ.
- Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm 2018, Tổng công ty đã ghi nhận toàn bộ số cổ tức được chia từ các công ty con với số tiền: 1.104.917.159.670 đồng theo quy định của Nghị định 126/2017 nói trên. Trên BCTC 6 tháng cuối năm 2018, Tổng công ty chỉ nhận được cổ tức với số tiền 153.833.472.000 đồng.

Từ các phân tích trên cho thấy, lợi nhuận sau thuế 6 tháng cuối năm 2018 giảm đáng kể so với lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018.

2. Đối với BCTC của các công ty con:

2.1. Các công ty đã niêm yết trên sàn hoặc đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, bao gồm Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí và Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na: Văn bản giải trình của đơn vị đính kèm.

2.2. Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakĐrinh:

Một số chỉ tiêu so sánh của công ty như dưới đây:

Chỉ tiêu	Quý 4/2017	Quý 4/2018	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.765.262.547	29.733.591.319	(139.031.671.228)	-82%
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	63.235.286.217	62.712.739.915	(522.546.302)	-1%
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.529.976.330	(32.979.148.596)	(138.509.124.926)	-131%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	51.914.552.100	(65.552.440.185)	(117.466.992.285)	-226%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	51.914.552.100	(61.311.695.191)	(113.226.247.291)	-218%

Doanh thu Quý 4/2018 đạt 29.734 triệu triệu đồng, giảm 139.032 triệu đồng (tương ứng giảm 82%) so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu của việc giảm đáng kể doanh thu là do trong cùng kỳ năm 2017, điều kiện thủy văn tốt nên nhà máy phát điện hết công suất dẫn đến sản lượng, doanh thu cao (Quý 4 năm 2018, thủy văn chỉ đạt 82%).

Giá vốn quý 4/2018 đạt 62.713 triệu, giảm 522 triệu đồng tương ứng giảm 1% so với cùng kỳ năm 2017 dù sản lượng giảm. Nguyên nhân cơ bản là do các chi phí cố định chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn như: khấu hao TSCĐ... không thay đổi theo sản lượng.

Kết quả hoạt động quý 4/2018 lỗ 61.312 triệu đồng, bên cạnh nguyên nhân giảm doanh thu, nguyên nhân chủ yếu nữa là do chi phí tài chính tăng (10,4 tỷ đồng) trong đó công ty gánh thêm chi phí lãi vay (tăng 6,6 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước.

2.3. Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn:

Một số chỉ tiêu so sánh của công ty như dưới đây

Chỉ tiêu	Quý 4/2017	Quý 4/2018	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.450.399.884	5.543.941.230	1.093.541.346	25%
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	3.246.631.391	4.451.453.650	1.204.822.259	37%
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.177.536.958	1.036.858.797	-140.678.161	-12%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	-17.774.852	59.677.936	77.452.788	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-17.774.852	59.677.936	77.452.788	

- Doanh thu Quý 4/2018 đạt 5.544 triệu đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước 1.094 triệu đồng (tương ứng tăng 25%) là do điều kiện thủy văn thuận lợi dẫn đến lượng nước về hồ nhiều, thời gian phát điện cao hơn từ đó làm tăng sản lượng điện.

- Giá vốn hàng bán quý 4.2018 tăng 1.205 triệu đồng (tương ứng tăng 37%) so với cùng kỳ năm 2017, chủ yếu là do:

Sản lượng điện tăng dẫn đến chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng cũng tăng.

Bên cạnh đó, do công ty hạch toán một lần tiền thuê đất không được miễn giảm của 5 năm từ năm 2013-2018 vào chi phí và một phần tiền bảo hiểm không đền bù của sự cố mưa lũ ngày 15/5/2017.

Chi phí tiền lương cũng tăng hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận gộp Quý 4/2018 lại giảm 141 triệu đồng (tương ứng giảm 12%) so với cùng kỳ năm trước do tốc độ tăng của giá vốn cao hơn tốc độ tăng của doanh thu.

- Kết quả kinh doanh quý 4/2018 lãi (cùng kỳ năm 2017 lỗ 18 triệu) là do bên cạnh việc tăng doanh thu tiền điện, công ty còn tăng doanh thu tài chính do lượng tiền nhàn rỗi cao hơn năm trước và giảm chi phí lãi vay (giảm 105 triệu).